

Số: 42 /2024/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 12 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chuẩn cụ thể, quản lý, sử dụng đối với cán bộ,
công chức cấp xã; tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã
trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ
và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức
và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của
Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không
chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;
Căn cứ Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2020 của
Chính phủ về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức;
Căn cứ Nghị định số 71/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2023 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 112/2020/NĐ-CP;
Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của
Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;
Căn cứ Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 19 tháng 9 năm 2024 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP
ngày 27 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BNV-BQP ngày 10 tháng 4
năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc
quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó
Ban chỉ huy quân sự xã, phường, thị trấn;
Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên
chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp
viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch
công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ Thông tư số 09/2022/TT-BGDDT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Theo đề xuất của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2438/TTr-SNV ngày 30 tháng 9 năm 2024 và Công văn số 2808/SNV-XDCQ&CTTN ngày 06 tháng 11 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn cụ thể, quản lý, sử dụng đối với cán bộ, công chức cấp xã; tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2024 và thay thế Quyết định số 22/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc ban hành Quy định về tiêu chuẩn, tổ chức tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các sở, ngành, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng căn cứ Quyết định thi hành. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục KTVBQPPL);
- TT TU, TT HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH TP HP;
- CT, các PCT UBND TP;
- UB MTTQ VN TP và các đoàn thể TP;
- VP TU, Các Ban của TU;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- Các Sở, ban, ngành TP;
- Các PCVP UBND TP;
- Báo HP, Đài PTTH HP;
- Công TTĐT TP, Công báo TP;
- Các Phòng: KSTTHC, NC&KTGS, TCNS;
- Lưu: VT, KSTTHC3

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tùng

QUY ĐỊNH

Tiêu chuẩn cụ thể, quản lý, sử dụng đối với cán bộ, công chức cấp xã; tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng
(Kèm theo Quyết định số 42 /2024/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chuẩn cụ thể, quản lý, sử dụng đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cán bộ, công chức cấp xã); việc tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các chức vụ, chức danh cán bộ, công chức cấp xã, bao gồm:

1. Cán bộ cấp xã, gồm:

- Bí thư Đảng ủy hoặc Bí thư chi bộ (nơi chưa thành lập Đảng ủy cấp xã);
- Phó Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư chi bộ (nơi chưa thành lập Đảng ủy cấp xã) hoặc Thường trực đảng ủy (nơi không có Phó Bí thư chuyên trách công tác đảng);
- Chủ tịch Hội đồng nhân dân;
- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;
- Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân;
- Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (áp dụng đối với xã, phường, thị trấn có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam);

1) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

2. Công chức cấp xã, gồm:

- Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự;

- b) Văn phòng - thống kê;
 - c) Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã);
 - d) Tài chính - kế toán;
 - đ) Tư pháp - hộ tịch;
 - e) Văn hóa - xã hội.
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức cấp xã.

Chương II

TIÊU CHUẨN ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 3. Tiêu chuẩn chung của cán bộ, công chức cấp xã

Thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (sau đây gọi tắt là Nghị định số 33/2023/NĐ-CP).

Điều 4. Tiêu chuẩn cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP; đồng thời cán bộ cấp xã phải đảm bảo các tiêu chuẩn cụ thể về ngành hoặc nhóm ngành đào tạo phù hợp với từng chức vụ cán bộ cấp xã như sau:

1. Bí thư Đảng ủy hoặc Bí thư chi bộ (nơi chưa thành lập Đảng ủy cấp xã); Phó Bí thư Đảng ủy hoặc Phó Bí thư chi bộ (nơi chưa thành lập Đảng ủy cấp xã) hoặc Thường trực đảng ủy (nơi không có Phó Bí thư chuyên trách công tác đảng):

Tốt nghiệp một trong các ngành hoặc nhóm ngành đào tạo sau: Luật; Khoa học chính trị; Quản trị - Quản lý; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học và các ngành hoặc nhóm ngành đào tạo khác có liên quan phù hợp với thực tế của địa phương.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân:

Tốt nghiệp một trong các ngành hoặc nhóm ngành đào tạo sau: Luật; Khoa học chính trị; Kinh doanh; Quản trị - Quản lý; Kế toán - Kiểm toán; Kinh tế học; Tôn giáo học; Khoa học môi trường; Xây dựng và các ngành hoặc nhóm ngành đào tạo khác có liên quan phù hợp với thực tế của địa phương.

3. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam:

Tốt nghiệp một trong các ngành hoặc nhóm ngành đào tạo sau: Luật; Khoa học chính trị; Quản trị - Quản lý; Báo chí và truyền thông; Xã hội học và Nhân

học; Công tác xã hội và các ngành hoặc nhóm ngành đào tạo khác có liên quan phù hợp với thực tế của địa phương.

4. Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh:

Tốt nghiệp một trong các ngành hoặc nhóm ngành đào tạo sau: Luật; Khoa học chính trị; Quản trị - Quản lý; Báo chí và truyền thông; Công tác xã hội và các ngành hoặc nhóm ngành đào tạo khác có liên quan phù hợp với thực tế của địa phương.

5. Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam:

Tốt nghiệp một trong các ngành hoặc nhóm ngành đào tạo sau: Luật; Khoa học chính trị; Quản trị - Quản lý; Báo chí và truyền thông; Công tác xã hội; Gia đình học; Tâm lý học và các ngành hoặc nhóm ngành đào tạo khác có liên quan phù hợp với thực tế của địa phương.

6. Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (áp dụng đối với xã, phường, thị trấn có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân Việt Nam):

Tốt nghiệp một trong các ngành hoặc nhóm ngành đào tạo sau: Luật; Khoa học chính trị; Quản trị - Quản lý; Công tác xã hội; Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, Thú y và các ngành hoặc nhóm ngành đào tạo khác có liên quan phù hợp với thực tế của địa phương.

7. Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam:

Tốt nghiệp một trong các ngành hoặc nhóm ngành đào tạo sau: Quân sự; Luật; Khoa học chính trị; Quản trị - Quản lý; Báo chí và truyền thông; Công tác xã hội và các ngành hoặc nhóm ngành đào tạo khác có liên quan phù hợp với thực tế của địa phương.

Điều 5. Tiêu chuẩn cụ thể của từng chức danh công chức cấp xã

1. Tiêu chuẩn của chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã: Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự.

2. Tiêu chuẩn của các chức danh công chức: Văn phòng - thống kê; Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn); Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tài chính - kế toán; Tư pháp - hộ tịch; Văn hóa - xã hội: Thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và đảm bảo các tiêu chuẩn cụ thể về ngành đào tạo phù hợp với từng chức danh công chức cấp xã như sau:

a) Văn phòng - thống kê:

Tốt nghiệp một trong các ngành hoặc nhóm ngành đào tạo sau: Luật; Quản trị - Quản lý; Khoa học chính trị; Kinh tế học; Văn thư - Lưu trữ; Thống kê; Máy

tính, Công nghệ thông tin và một số ngành hoặc nhóm ngành khác có liên quan phù hợp với thực tế của địa phương.

b) Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã):

Tốt nghiệp một trong các ngành hoặc nhóm ngành đào tạo sau: Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học trái đất; Khoa học môi trường; Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa; Luật; Kiến trúc và quy hoạch; Xây dựng; Quản lý xây dựng; Công nghệ kỹ thuật kiến trúc và công trình xây dựng; Lâm nghiệp (địa phương có rừng); Thủy sản (địa phương có hoạt động thủy sản) và một số ngành hoặc nhóm ngành khác có liên quan phù hợp với thực tế của địa phương.

Đối với chức danh Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (ở xã): Tốt nghiệp một trong các ngành hoặc nhóm ngành đào tạo trên hoặc một trong các ngành: Nông nghiệp; Sinh học ứng dụng; Thủy lợi, Thú y.

c) Tài chính - kế toán:

Tốt nghiệp một trong các ngành hoặc nhóm ngành đào tạo sau: Tài chính - Ngân hàng; Kế toán - Kiểm toán.

d) Tư pháp - hộ tịch: Tốt nghiệp ngành hoặc nhóm ngành đào tạo Luật và đã được bồi dưỡng nghiệp vụ hộ tịch.

đ) Văn hóa - xã hội:

Tốt nghiệp một trong các ngành hoặc nhóm ngành đào tạo sau: Triết học; Lịch sử; Văn học; Tôn giáo học; Việt Nam học; Quản lý văn hóa; Văn hóa học; Gia đình học; Du lịch, khách sạn, thể dục thể thao; Báo chí và truyền thông; Thông tin - Thư viện; Văn thư - Lưu trữ - Bảo tàng; Xuất bản - Phát hành; Khoa học chính trị; Quản trị - Quản lý; Khoa học giáo dục; Xã hội học và Nhân học; Tâm lý học; Kinh tế học; Công tác xã hội; Luật và một số ngành hoặc nhóm ngành khác có liên quan phù hợp với thực tế của địa phương.

Chương III

TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ, TIẾP NHẬN VÀO LÀM CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 6. Tuyển dụng công chức cấp xã

Việc tuyển dụng công chức cấp xã được thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP; đồng thời thực hiện theo một số quy định sau:

1. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh và số lượng công chức cấp xã được bố trí hàng năm theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố và Quyết định của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Kế hoạch tuyển dụng công chức của địa phương, gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, xây dựng Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn cấp huyện để tổ chức tuyển dụng theo quy định. Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã của Ủy ban nhân dân cấp huyện phải gửi về Sở Nội vụ ngay sau khi ban hành để Sở Nội vụ theo dõi, tổng hợp thực hiện việc thanh tra, kiểm tra theo quy định.

3. Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thành lập Hội đồng tuyển dụng để tổ chức việc tuyển dụng công chức cấp xã. Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là 01 lãnh đạo Phòng Nội vụ hoặc Phòng Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là công chức Phòng Nội vụ hoặc Phòng Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Các ủy viên khác là đại diện lãnh đạo một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan.

Điều 7. Tiếp nhận vào làm công chức cấp xã

Việc tiếp nhận vào làm công chức cấp xã được thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP; đồng thời thực hiện theo một số quy định sau:

1. Người được xem xét, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã phải đảm bảo tiêu chuẩn cụ thể về ngành hoặc nhóm ngành đào tạo và các tiêu chuẩn cụ thể khác đối với công chức cấp xã tại Điều 5 Quy định này; ngoài ra phải đảm bảo còn số lượng và vị trí chức danh công chức cấp xã cần tiếp nhận.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch để thực hiện việc xem xét, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã. Hội đồng kiểm tra, sát hạch vào làm công chức cấp xã có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện lãnh đạo Phòng Nội vụ hoặc Phòng Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội;

c) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là công chức Phòng Nội vụ hoặc Phòng Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội.

d) Các ủy viên khác là đại diện lãnh đạo một số cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan hoặc Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi dự kiến bố trí công chức sau khi được tiếp nhận.

3. Sau khi hoàn thành việc kiểm tra, sát hạch, Hội đồng kiểm tra, sát hạch báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định tiếp nhận vào làm công chức cấp xã; gửi kết quả về Sở Nội vụ để tổng hợp, theo dõi.

Chương IV

ĐIỀU ĐỘNG, CHUYỂN CÔNG TÁC, TIẾP NHẬN, BỐ TRÍ LẠI CHỨC DANH CÔNG CHỨC CẤP XÃ; XẾP LƯƠNG, CHẾ ĐỘ TIỀN LƯƠNG VÀ PHỤ CẤP THEO LƯƠNG ĐỐI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 8. Điều động, chuyển công tác và tiếp nhận công chức cấp xã

1. Đối với công chức Văn phòng - thống kê, Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã), Tài chính - kế toán, Tư pháp - hộ tịch, Văn hóa - xã hội: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Đối với Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã:

a) Điều động, tiếp nhận từ xã, phường, thị trấn này sang xã, phường, thị trấn khác trong cùng một đơn vị hành chính cấp huyện: Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ thống nhất với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã (nơi Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã đang công tác và nơi Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã dự kiến sẽ chuyển đến) có văn bản đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều động Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã từ xã, phường, thị trấn này sang làm việc ở xã, phường, thị trấn khác.

b) Điều động, tiếp nhận từ xã, phường, thị trấn này đến làm việc ở xã, phường, thị trấn của cấp huyện khác trên địa bàn thành phố: Sau khi có ý kiến của Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã đang công tác và nơi có nhu cầu tiếp nhận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã đang công tác quyết định điều động Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã sang làm việc ở xã, phường, thị trấn của cấp huyện khác trên địa bàn thành phố; đồng thời Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi tiếp nhận quyết định tiếp nhận Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã về làm việc ở xã, phường, thị trấn của cấp huyện đó trên địa bàn thành phố.

Điều 9. Bố trí lại chức danh đối với công chức cấp xã

1. Căn cứ vào số lượng công chức cấp xã được giao, vị trí việc làm, tiêu chuẩn cụ thể của từng chức danh công chức cấp xã quy định tại Điều 5 Quy định

này và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định bố trí công chức cấp xã đang đảm nhiệm chức danh này sang đảm nhiệm chức danh khác.

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản thống nhất với Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện trước khi đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định bố trí công chức cấp xã đang đảm nhiệm chức danh công chức cấp xã để bổ nhiệm chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã.

Điều 10. Xếp lương đối với cán bộ, công chức cấp xã

1. Việc xếp lương đối với cán bộ, công chức cấp xã được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã: Nếu đã được tuyển dụng và xếp lương theo ngạch nhân viên, mã số 01.005 theo bảng tốt nghiệp Trung cấp chuyên nghiệp ngành quân sự cơ sở hoặc ngạch cán sự, mã số 01.004 theo bảng tốt nghiệp Cao đẳng quân sự, nếu sau đó có bằng tốt nghiệp Đại học ngành Luật hoặc Đại học ngành Quản lý nhà nước thì được xếp lại lương theo ngạch chuyên viên, mã số 01.003.

Điều 11. Nâng bậc lương và các chế độ phụ cấp theo lương đối với cán bộ, công chức cấp xã

1. Việc nâng bậc lương, chế độ phụ cấp thâm niên vượt khung đối với cán bộ, công chức cấp xã thực hiện theo quy định của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

2. Phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Chương V

QUẢN LÝ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 12. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Tham mưu xây dựng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật và văn bản khác về cán bộ, công chức cấp xã trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành và hướng dẫn tổ chức thực hiện.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định về số lượng cán bộ, công chức cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện hàng năm.

3. Tổng hợp kế hoạch, quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn thành phố; kế hoạch, chương trình, tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cấp xã; từng bước thực hiện tiêu chuẩn hóa để nâng cao chất lượng cán bộ, công chức cấp xã.

4. Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố cơ chế, chính sách hỗ trợ cho cán bộ, công chức cấp xã để hoàn thiện tiêu chuẩn theo quy định.

5. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc lập và quản lý hồ sơ cán bộ, công chức cấp xã; xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu cán bộ, công chức cấp xã; tuyển dụng công chức cấp xã; việc thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã; đánh giá, xếp loại chất lượng, xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức cấp xã và các nội dung về quản lý cán bộ, công chức cấp xã khác theo quy định.

6. Thống nhất việc tiếp nhận công chức cấp xã từ tỉnh, thành phố khác đến công tác tại các xã, phường, thị trấn trên địa bàn thành phố và việc chuyển công chức cấp xã ra tỉnh, thành phố khác.

7. Thống nhất việc chuyển công tác, tiếp nhận công chức cấp xã từ xã, phường, thị trấn của quận, huyện này sang làm việc ở xã, phường, thị trấn của quận, huyện khác.

8. Thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn thành phố theo quy định.

9. Thực hiện các nội dung khác về quản lý cán bộ, công chức cấp xã.

Điều 13. Trách nhiệm của các sở, ngành thành phố có liên quan

1. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ cho công chức cấp xã thuộc ngành, lĩnh vực quản lý.

2. Phối hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện trong xây dựng đội ngũ công chức chuyên môn, nghiệp vụ thuộc lĩnh vực của ngành.

3. Thực hiện các quy định của pháp luật liên quan thuộc trách nhiệm trong phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý.

Điều 14. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức triển khai thực hiện Quy định này tại địa phương.

2. Tổng hợp nhu cầu, xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã của địa phương, bảo đảm đúng cơ cấu, vị trí việc làm, tiêu chuẩn, trình độ của từng chức danh công chức cấp xã theo quy định; tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định của Chính phủ, Bộ Nội vụ và Quy định này.

3. Quyết định tiếp nhận, điều động, chuyển công tác, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã theo quy định.

4. Xếp lương đối với cán bộ, công chức cấp xã; thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

5. Lập kế hoạch, quy hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý; tổ chức đào tạo, bồi dưỡng để đảm bảo tiêu chuẩn cán bộ, công chức cấp xã theo quy định; quyết định cử cán bộ, công chức cấp xã tham gia đào tạo, bồi dưỡng; giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức cấp xã chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định.

6. Cập nhật thông tin; xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý.

7. Thực hiện chế độ báo cáo về đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn theo quy định.

8. Chịu sự kiểm tra, thanh tra của Sở Nội vụ trong quá trình tổ chức tuyển dụng công chức; quản lý, sử dụng cán bộ, công chức cấp xã theo quy định này và các nội dung khác liên quan.

9. Thực hiện các nội dung khác về quản lý cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

Điều 15. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ đối với cán bộ, công chức cấp xã.

2. Đảm bảo các điều kiện cần thiết để cán bộ, công chức cấp xã thi hành nhiệm vụ; tạo điều kiện thuận lợi để cán bộ, công chức cấp xã tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng.

3. Đề nghị cơ quan có thẩm quyền tuyển dụng công chức cấp xã; thực hiện việc quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã theo thẩm quyền.

4. Đánh giá cán bộ, công chức cấp xã hàng năm theo thẩm quyền và theo phân cấp hiện hành; quyết định khen thưởng đối với cán bộ, công chức cấp xã theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định khen thưởng.

5. Cập nhật, bổ sung thông tin vào hồ sơ, cơ sở dữ liệu về đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã của địa phương; quản lý hồ sơ cán bộ, công chức cấp xã thuộc thẩm quyền.

6. Thực hiện các nội dung khác về quản lý cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

Điều 16. Quy định chuyển tiếp

1. Tiêu chuẩn cụ thể về ngành đào tạo đối với cán bộ, công chức cấp xã tại Điều 4, Điều 5 Quy định này làm căn cứ để thực hiện công tác quy hoạch, tạo nguồn, bầu cử, tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, xếp lương, xếp lại lương, nâng bậc lương, bố trí lại chức danh, chuyển đổi vị trí công tác, tinh giản biên chế và thực hiện các chế độ, chính sách khác đối với cán bộ, công chức cấp xã.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hoặc bố trí, sắp xếp để đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã hiện có đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Quy định này hoặc thực hiện chính sách tinh giản biên chế.

THAI PHU

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Giám đốc Sở Nội vụ có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố việc thực hiện Quy định này.

Điều 18. Giám đốc các sở, ngành, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.